

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-PT

Ngày 11-3-2019

V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài
sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán:

Ông Võ Minh Tiến

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Thịnh – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 19-12-2018, về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1970;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Quỳnh N, sinh năm 1971;

Cùng trú tại: Đội 8, thôn BĐ, xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18-11-2016)

- Bị đơn: Ông Đặng Kim N1, sinh năm 1980, trú tại: Đội 10, thôn ĐL, xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Thiều Quang Vinh

- Văn phòng luật sư Quang Vinh thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Lô số 3, đường 30 tháng 4, tổ 11, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Quỳnh N, sinh năm 1971, trú tại: Đội 8, thôn BĐ, xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Số 48 HV, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H1, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố QN (theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số: 5786/QĐ-UBND ngày 24-7-2018), địa chỉ: Số 135 đường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ủy ban nhân dân xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Kim P, chức vụ: Chủ tịch.

4. HND xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Xã TAĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh H2, chức vụ: Chủ tịch.

Người kháng cáo: Ông Đặng Kim N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-10-2016, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 21-9-2018, bản tự khai ngày 21-11-2016, biên bản lấy lời khai ngày 26-12-2016, biên bản hòa giải ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Theo hợp đồng thuê đất số: 02/HĐ ngày 10-02-2005, ông Đỗ Văn D (trong hợp đồng viết Đỗ D là viết nhầm, ông chỉ có một tên duy nhất là Đỗ Văn D) có ký hợp đồng thuê đất với UBND xã TAĐ, huyện ST (nay là thành phố QN), thuê thửa đất số 530, tờ bản đồ số 8 xã TAĐ để trồng cây keo lai. Khi cho thuê UBND xã TAĐ có lên kéo

thước dây để khảo sát lại diện tích và đã bỏ sót hơn 1.000m² nên diện tích ghi trong hợp đồng chỉ có 13.000m², với lý do chừa đường đi ở dưới chân đồi (giáp với đất của thôn TD) và trên đỉnh đồi (giáp với đất thôn HB).

Hiện trạng thửa đất này theo trích sao bản đồ năm 1997 và ghi nhận của ông Huỳnh Phiên, là người thuê trước để lại là 15.525m². Ông D thuê và sử dụng trồng cây từ năm 2005 đến nay là đúng với hiện trạng của khu đất, tương ứng với 15.525m², không liên quan đến đất ông Đặng Gi (cha của ông Đặng Kim N1). Phần chênh lệch giữa 13.000m² và 15.525m² là do sai sót trong quá trình đo đạc bằng thước dây và diện tích chênh lệch này nằm trong đất của HND xã TAĐ tại thửa đất số 530 tờ bản đồ số 8 xã TAĐ.

Cuối năm 2012 ông D khai thác cây keo trên khu đất này và tiếp tục trồng lại cây keo sinh học. Quá trình khai thác cây và trồng cây mới diễn ra 45 ngày, trong thời gian này không có ai tranh chấp.

Tháng 05-2013 ông Đặng Kim N1 có đơn tranh chấp phần đất chênh lệch do đo đạc sai ở trên, nhưng 04 lần hòa giải tại xã không thành. Ngày 22-4-2016 ông N1 thuê đội khai thác lên chặt phá, hủy hoại rừng keo trồng được 03 năm 04 tháng của ông Đỗ Văn D và lấy gỗ đi bán. Ông D báo chính quyền địa phương lên can ngăn nhưng ông N1 vẫn không chấp hành mà tiếp tục chặt đốn đến ngày 25-4-2016. Tổng số cây ông N1 chặt đốn trên 1.200 cây trồng trên diện tích hơn 2.000m² và ông N1 đã ký vào biên bản dừng hành vi chặt đốn vào ngày 24-4-2016. Tổng tài sản thiệt hại tại thời điểm đốn chặt trên 60.000.000 đồng, nếu tính đến thời điểm rừng đủ tuổi khai thác ước tính khoảng 120.000.000 đồng. Ngày 29-4-2016 UBND xã TAĐ tổ chức giải quyết sự việc trên nhưng kết quả không thành. Sau đó ông N1 bất chấp luật pháp lại chặt đốn tiếp, đến ngày 25-5-2016 tổng diện tích chặt đốn lên đến 3.000m² đất, tương ứng 1.800 cây, ước tính thiệt hại đến 117.000.000 đồng. Sự việc này đã được Công an thành phố QN, phối hợp với Công an xã TAĐ khám nghiệm hiện trường và lập biên bản sự việc.

Về việc ông N1 tranh chấp về hợp đồng trồng cây keo lai trên đất lâm nghiệp, đề nghị ông N1 khởi kiện theo đúng quy định đối với Hợp đồng trồng cây keo lai trên đất lâm nghiệp ghi ngày 14-4-2005. Ông đã thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng này. Vì vậy, yêu cầu của ông N1 buộc ông trả tiền là không có cơ sở.

Ông Đỗ Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Kim N1 phải bồi thường thiệt hại cho ông Đỗ Văn D vì có hành vi phá hoại tài sản, chặt phá cây keo lai do ông D trồng diện tích bị phá 3.000m² tương ứng 1.800 cây, thiệt hại 117.000.000

đồng. Ông D thống nhất kết quả định giá vào ngày 20-4-2018 nên tại phiên tòa sơ thẩm ông D thay đổi yêu cầu, buộc ông Đặng Kim N1 phải bồi thường thiệt hại vì có hành vi phá hoại tài sản, chặt phá cây keo lai do ông D trồng diện tích bị phá 2.749m² tương ứng 1.103 cây, giá trị thiệt hại là 66.175.000 đồng cho ông Đỗ Văn D.

Trong bản tự khai ngày 07-12-2016, ngày 11-4-2017, đơn trình bày ngày 18-11-2016, biên bản hòa giải ngày 12-7-2018 bị đơn ông Đặng Kim N1 trình bày:

Ông N1 có một mảnh đất do thôn DL giao cho gia đình ông N1, tại thời điểm giao đất chưa có diện tích cụ thể, diện tích đất này giáp ranh với 13.000m² đất của HND xã TAĐ cho ông Đỗ Văn D thuê. Vào ngày 14-4-2005 ông N1 và ông D có ký hợp đồng cho ông D thuê toàn bộ diện tích đất nói trên để trồng cây keo lai; thời gian thuê là 07 năm, đến năm 2012 kết thúc hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng thì trên đất của ông N1 đã được trồng cây bạch đàn, ông D trồng keo, đến khi khai thác thì cây bạch đàn phải để lại cho ông N1, còn cây keo phải chia cho ông N1 20% giá trị. Trước khi khai thác ông D phải có nghĩa vụ báo trước cho ông N1 02 ngày theo như hợp đồng đã thỏa thuận. Khoảng tháng 11-2012 ông D đã khai thác cây keo và bạch đàn mà không báo trước cho ông N1 và cũng không trả tiền cho ông N1 theo đúng hợp đồng. Sau khi khai thác xong thì ông D tiếp tục trồng keo trên đất của ông N1 khoảng 3.000m² và ông N1 đã có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa ông N1 và ông D đến Ủy ban nhân dân xã TAĐ. Sau đó xã có lên đo lại hiện trạng đất và xác định đất ông D thuê của HND xã TAĐ 13.000m² là đúng. Diện tích đất tranh chấp là 1.685m², sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến khoảng tháng 4-2016 ông N1 lên khai thác cây keo ông D đã trồng trên đất của ông N1, tại thời điểm này cây keo đã được 04 năm tuổi. Ông N1 không nhớ rõ là khai thác bao nhiêu cây nhưng bán khoảng được 20.000.000 đồng. Ông N1 yêu cầu phân chia ranh giới đất của HND xã TAĐ là 13.000m², còn lại là diện tích đất của ông N1. Yêu cầu ông D trả cho ông N1 95.500.000 đồng theo hợp đồng thuê đất trồng cây keo lai trên đất lâm nghiệp ghi ngày 14-4-2005, vì cho đến nay ông D chưa trả. Việc ông D yêu cầu bồi thường số tiền 66.175.000 đồng, vì cho rằng ông N1 chặt đốn 1.103 cây keo trên diện tích 2.749m² đất thì ông N1 không đồng ý, vì giữa ông N1 và ông D đã chấm dứt hợp đồng thuê đất mà ông D tiếp tục trồng cây trên đất của ông N1, đồng thời ông D cũng không thanh toán tiền cây cho ông N1 theo như hợp đồng nói trên, nên việc ông N1 khai thác cây keo trên đất của ông N1 không có gì sai trái. Giữa ông N1 và HND xã TAĐ không có tranh chấp về đất. Ông đề nghị Tòa án

xác định ông đồn cây keo của ông D trồng trên diện tích đất ông D thuê của HND xã TAĐ bao nhiêu thì ông bồi thường bấy nhiêu.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 26-12-2016, biên bản hòa giải ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Quỳnh N trình bày:

Yêu cầu giải quyết theo đơn yêu cầu của nguyên đơn chứ không giải quyết tranh chấp đất, vì ông D thuê đất của HND xã TAĐ có diện tích 15.525m² để trồng cây dựa trên bản đồ, còn con số ghi trên hợp đồng là địa chính đo bằng thước dây nên không chính xác. Khi giao đất để trồng cây thì chính quyền địa phương có chỉ chỗ trồng cây theo các mốc giới là gốc cây điều gần 10 năm tuổi của ông Huỳnh Phiên (người thuê đất của HND lúc trước); bà không có thuê đất của ông N1 nên bà không biết về diện tích đất của ông N1. Trước đó ông D có ký Hợp đồng trồng cây trên đất lâm nghiệp với ông Gi chứ không phải Hợp đồng thuê đất nên việc ông N1 đòi trả lại diện tích đất là không có cơ sở.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Kim N1 bồi thường thiệt hại do có hành vi phá hoại chặt phá cây keo lai với diện tích trồng 2.749m² tương ứng với 1.103 cây thiệt hại là 66.175.000 đồng cho ông Đỗ Văn D nhận, bà không yêu cầu Tòa án tuyên số tiền bồi thường thiệt hại này cho bà nhận.

Trong Biên bản hòa giải ngày 12-7-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HND xã TAĐ, ông Bùi Thanh H2 trình bày: Ông nhận bàn giao công tác vào năm 2011, lúc bàn giao có nhận bàn giao Hợp đồng thuê đất ghi ngày 10-02-2005 với diện tích 13.000m². Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, do hai bên tranh chấp về cây.

Trong Biên bản làm việc ngày 11-7-2017, Biên bản hòa giải ngày 12-7-2018, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã TAĐ, ông Bùi Kim P trình bày:

Vào ngày 10-02-2005 HND xã TAĐ cho ông Đỗ Văn D thuê diện tích đất lâm nghiệp theo Hợp đồng cho thuê đất trồng rừng số 02/HĐ ngày 10-02-2005 được ký kết giữa HND xã TAĐ và ông Đỗ Văn D là 13.000m², ranh giới cụ thể phía Đông trên đồi giáp ranh giới thôn HB, phía Tây giáp ranh giới ông Lượng thuộc thôn ĐL, phía Bắc giáp ranh giới ông Đặng Gi thuộc thôn ĐL, phía Nam giáp ranh giới thôn ĐL. Lúc cho thuê hai bên ghi diện tích cho thuê 13.000m² đất, nhưng đo thực tế hiện nay ông Đỗ Văn D đang sử dụng là 13.925m² (có kèm theo trích lục bản đồ ngày 09-02-2015). Diện

tích đất trồng cây keo lai ông Đặng Kim N1 đồn của ông D thuộc thửa đất số 530, tờ bản đồ số 8, đo vẽ năm 1997, diện tích 15.273m². UBND xã TAĐ đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố QN không có văn bản trình bày ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn D. Buộc ông Đặng Kim N1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi chặt đồn 1.103 cây keo lai với số tiền 66.175.000 đồng cho ông Đỗ Văn D.

Bị đơn ông Đặng Kim N1 phải chịu 7.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 1.400.000 đồng chi phí định giá tài sản.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, ông Đặng Kim N1 gửi đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông Đặng Gi vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên nhân ông N1 khai thác cây của ông D trồng do ông D thuê đất của ông Đặng Gi (cha ông N1) nhưng không trả tiền; sau khi khai thác lại tiếp tục trồng cây trên đất của ông N1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con ông Gi vào tham gia tố tụng, không xem xét hợp đồng thuê đất giữa ông D với ông Gi là không đủ căn cứ xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả trong vụ án, không giải quyết triệt để vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Kim N1 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Bị đơn đã thừa nhận khai thác keo do nguyên đơn trồng trên diện tích đất 2.749m²; tại Biên bản làm việc ngày 11-7-2017 Ủy ban nhân dân xã TAĐ xác định

diện tích đất này thuộc thửa đất số 530, tờ bản đồ số 8, đo vẽ năm 1997, diện tích 15.273m². Bị đơn đã có hành vi xâm phạm tài sản của nguyên đơn, gây thiệt hại cho nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong vụ án, nguyên đơn Đỗ Văn D chỉ yêu cầu bị đơn Đặng Kim N1 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm; tại bản tự khai ngày 11-4-2017 và Biên bản làm việc ngày 27-3-2018 (bút lục số 50, 216) ông N1 trình bày có nội dung yêu cầu ông D trả tiền thuê đất theo hợp đồng ngày 14-4-2005 và tranh chấp quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra các Thông báo số 17/TB-TA ngày 10-4-2017 và số 31/TB-TA ngày 28-3-2018 (bút lục số 52, 151) yêu cầu ông N1 phải làm đơn khởi kiện phản tố theo đúng quy định, ông N1 nhận Thông báo nhưng không làm đơn khởi kiện phản tố. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của ông N1 trong cùng vụ án này là đúng pháp luật; các con của ông Đặng Gi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên kháng cáo của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không được chấp nhận.

[2] Căn cứ hợp đồng thuê đất trồng rừng giữa ông D với HND, Ủy ban nhân dân xã TAD và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông D thuê đất của HND xã TAD để trồng rừng; ngoài ra ông D còn ký kết hợp đồng trồng keo lai trên đất nông nghiệp (bút lục 43) với ông N1, hai diện tích đất này giáp ranh với nhau và ông D đã trồng cây trên hai diện tích đất này từ năm 2005. Năm 2012, ông D đã khai thác cây trên hai diện tích đất này và trồng lại cây mới trên diện tích đất thuê của HND và Ủy ban nhân dân xã TAD. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 thừa nhận chính ông là người khai thác hết cây keo do ông D trồng trên diện tích đất 2.749m² như kết quả đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên nhân ông khai thác là do ông D trồng cây lấn sang đất thuộc quyền sử dụng của ông nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình. Trường hợp ông D có trồng cây lấn sang đất thuộc quyền sử dụng của ông N1 thì ông N1 cũng phải yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền

giải quyết, ông N1 không có quyền khai thác, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông D. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm giải quyết về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Ông N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N1 đã nộp.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Kim N1; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 10-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Đặng Kim N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông N1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000134 ngày 14-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Mỹ Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Tiến

Trịnh Thị Thu Lan

Lê Thị Mỹ Giang

Nơi nhận:

- TAND huyện Sơn Tịnh;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang

Nơi nhận:

- TAND huyện Sơn Tịnh;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang